

Số: 531/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 210, khoản 3 Điều 211, Điều 212, Điều 213, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà **Nguyễn Thị Xuân N**, sinh năm 1986. Địa chỉ: 273/36 Bàu C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: 489/24/67 Huỳnh Văn B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2011 ngày 24/02/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T là vợ chồng hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T thỏa thuận giao 02 con chung là trẻ Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 26/9/2011 và trẻ Lê Nguyễn Bảo N1, sinh ngày

07/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng cho các con chung do bà N và ông T tự thỏa thuận; Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T khai không có; Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 26/9/2011 và trẻ Lê Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 07/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng cho các con chung do bà N và ông T tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T khai không có.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T khai không có.

3. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Lê Văn T tự nguyện nộp, được trừ vào 300.000

(Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đương sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0016314 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND P.13, Q.Phú Nhuận, Tp. HCM;  
(GCNKH số 14, quyền số 01/2011 ngày 24/02/2011)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Ngô Đức Thụ**